

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

**TỔ CHỨC GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ 1986
ĐẾN NAY**

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 62 22 90 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2010

Công trình được hoàn thành tại: **Học viện Khoa học xã hội**

Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Khoa học xã hội vào hồi giờ ngày tháng năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

+ **Thư viện Quốc gia**

**Danh mục các công trình đã công bố của tác giả
liên quan đến luận án**

1. “Nghề in trong các chùa Hà Nội”. Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 4-2002.
2. “Công đức vào chùa ở Hà Nội những nghịch lý của một xã hội hiện đại” (viết chung với Nguyễn Mạnh Cường). Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7-2007.
3. “Phật giáo dân gian, con đường nhập thế của Phật giáo Việt Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8-2008.
4. “Lễ tắm tượng đức Phật trong ngày đại lễ Tam hợp qua khảo sát ở một số chùa”. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3-2008.
5. “Dịch vụ Phật giáo: hoạt động mang tính dân gian và là cách thức giải quyết nhu cầu tâm linh tín đồ của Phật giáo Việt Nam”, *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản thế giới, 2008.
6. “Góp phần tìm hiểu tín đồ Phật giáo Việt Nam hiện nay”. Tạp chí *Khuông Việt*, số 5-2008.
7. “chữ Phạn trong các chùa Hà Nội” (viết chung với Nguyễn Mạnh Cường). Tạp chí *Khuông Việt*, số 6-2009.
8. “Đôi điều về chùa Hà Nội hiện nay”. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2-2009.
9. “Tổ chức GDPT VN”. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7&8-2009.

Mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Thống nhất đất nước 30-4-1975 là tiền đề quan trọng cho việc hình thành một tổ chức PGVN thống nhất trên toàn quốc. Tháng 11/1981, 9 tổ chức và hệ phái Phật giáo cả nước họp đại hội lần thứ nhất thành lập tổ chức GHPGVN. Đến nay, trải qua 6 kỳ Đại hội, tổ chức này mỗi ngày một lớn mạnh, nhất là từ sau đổi mới năm 1986 đòi hỏi có những nghiên cứu cơ bản về tổ chức GHPGVN, tìm hiểu những ưu khuyết điểm nhằm làm cho tổ chức này ngày một tiến bộ hơn, đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước.

Việc nghiên cứu cơ cấu tổ chức cũng như sự phát triển về mặt tổ chức của Phật giáo nên bắt đầu từ 1981 song luận văn chọn thời điểm nghiên cứu là năm 1986 trở lại đây vì các lý do:

Thứ nhất năm 1986 là năm khởi đầu cho sự chuyển đổi từ chế độ quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự tham gia điều tiết của Nhà nước. Những tiến bộ về mọi mặt như chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, công tác đoàn thể tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo trong đó có Phật giáo ngày một phát triển.

Thứ hai bản thân GHPGVN bắt đầu từ 1986 đến nay cũng đã có nhiều đổi thay. Tất cả những thay đổi buộc GHPGVN phải có những cải cách về mặt tổ chức nhằm đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ đổi mới.

Gần 30 năm đã trôi qua với 6 kỳ Đại hội, những đóng góp to lớn trong suốt thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay) của GHPGVN, Tăng Ni, Phật tử trong cả nước đã đủ tư liệu cho phép chúng tôi lựa chọn đề tài: **“Tổ chức GHPGVN từ 1986 đến nay”** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học; mã số 62 22 90 01.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Luận án làm rõ cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam, bước đầu nêu và phân tích về cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức này từ năm 1986 đến nay qua đó tìm hiểu những tác động, ảnh hưởng của GHPGVN với xã hội.

2. Để thực hiện mục đích trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu hệ thống tổ chức PGVN các giai đoạn trước năm 1981 nhằm tìm hiểu những yếu tố tiền đề cho sự ra đời tổ chức GHPGVN hiện nay

- Trình bày quá trình hình thành và cơ cấu tổ chức của GHPGVN từ 1981-1986 và từ 1986 đến nay.

- Trình bày hoạt động của GHPGVN giai đoạn từ 1986 đến nay

- Từ đó làm sáng tỏ về mặt tổ chức và hoạt động của GHPGVN và những ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội và công cuộc xây dựng đất nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng là tổ chức GHPGVN. Phạm vi nghiên cứu là tổ chức GHPGVN từ 1986 đến nay. Tuy nhiên, luận án cần quay lại mốc 1981 để làm rõ quá trình hình thành tổ chức GHPGVN. Luận án sẽ hệ thống các tiến trình phát triển của tổ chức Phật giáo Việt Nam trong lịch sử.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa Mác — Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tác giả luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu Tôn giáo mang tính liên ngành như phương pháp sử học, xã hội học, triết học, văn hóa học và các phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp...

5. Kết quả và đóng góp của luận án

Đây là công trình nghiên cứu mang tính tổng hợp về tổ chức PGVN nói chung và tổ chức GHPGVN giai đoạn 1986 đến nay nói riêng. Thông qua các nguồn tài liệu, các số liệu điều tra, luận án sẽ đưa ra những phân tích, đánh giá để làm rõ hệ thống tổ chức PGVN qua các thời kỳ. Từ đó trình bày cụ thể về quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức, một số hoạt động của GHPGVN. Cái mới của luận án là trên cơ sở tổng kết, phân tích cơ cấu tổ chức cũng như các hoạt động của GHPGVN thời gian 1986 đến nay chỉ ra những ưu khuyết điểm của tổ chức này. Đây là một đóng góp quan trọng cho công tác nghiên cứu và giảng dạy PGVN thời hiện đại.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Lời cam đoan, Mục lục, Mở đầu, Kết luận, Danh mục các bài viết của tác giả có liên quan đến luận án đã công bố, Tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương và 20 tiết.

Nội dung
Chương một
Tổng Quan vấn đề nghiên cứu

1.1. Điểm qua các nghiên cứu về tổ chức Phật giáo

Vấn đề tổ chức Phật giáo nguyên thủy được đề cập khi trình bày quá trình phát triển của đạo Phật hay người sáng lập ra đạo Phật Thích Ca Mâu Ni. Những cuốn sách tiêu biểu là: *Lịch sử đức Phật Thích Ca*, *10 đại đệ tử Phật*, *Thích Ca Mâu Ni Phật*, *Phật giáo một ngàn năm đầu*, *Đức Phật* và *Phật pháp*, *Các tông phái đạo Phật*, *Quan điểm của tôi về cuộc đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni*.

Một số tác phẩm trình bày những vấn đề cơ bản của Phật giáo cũng đề cập tới những vấn đề tổ chức Phật giáo như *Phật pháp khái luận* của Thích ấn Thuận.

Vấn đề tổ chức Phật giáo còn được trình bày dưới góc độ lịch sử và chưa đi sâu vào nội dung hoạt động, kết cấu của các tổ chức. Điển hình là các cuốn: *Lược sử PGVN* của Thích Tuệ Minh; *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang và *Lịch sử PGVN* của Lê Mạnh Thát. Nguyễn Duy Hình với cuốn *Lịch sử đạo Phật Việt Nam* đã tiếp cận lịch sử dưới góc độ của các hệ tư tưởng. Thông qua đó, người đọc nắm bắt được tư tưởng Phật giáo của các dòng phái Phật giáo Việt Nam từ khi du nhập tới nay.

Các tác phẩm: *Tăng già Việt Nam*, *Thiền Uyển tập anh*, *Các tông phái đạo Phật* cũng là những tác phẩm đề cập cụ thể về hệ thống tổ chức GPVN trước đây.

50 năm chấn hưng Phật giáo trình bày rất cụ thể về các hội đoàn, tổ chức GPVN giai đoạn Chấn hưng. Luận án tiến sĩ của Lê Tâm Đắc về *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ* có một phần về chấn hưng giáo hội Phật giáo giai đoạn này. *Hồi ký thành lập hội PGVN* của HT Thích Trí Hải trình bày rất cụ thể về các hội đoàn, tổ chức Phật giáo trước khi GHPGVN thành lập. Cuốn sách cũng đề cập đến quá trình vận động để thành lập GHPGVN.

Luận văn cử nhân *Lược khảo quá trình hình thành và phát triển của GHPGVN* của Thích Trí Chơn là một trong số ít những công trình trình bày rõ về tổ chức GPVN thời hiện đại.

Thích Thọ Lạc với bài viết *Tổ chức Tăng đoàn thời đức Phật và những bài học cho việc tổ chức Giáo hội hôm nay*, đề cập tới các nguyên tắc chính của tổ chức Tăng đoàn thời đức Phật qua đó nêu ra những bài học chính của tổ chức GHPGVN ngày nay. Dương Nhơn với bài viết *Phật giáo Nam tông Khmer trong bối cảnh thống nhất và hội nhập của Phật giáo Việt Nam* thể hiện thực trạng của hệ phái Nam tông trong ngôi nhà chung GHPGVN và mối quan hệ giữa Phật giáo Nam tông Khmer với nhà nước.

Bài *Chú trọng vào việc đào tạo Tăng Ni trẻ kế thừa* của Thích Trí Quảng đã nêu lên một vấn đề quan trọng để củng cố và phát triển GHPGVN. Bài *Tính ưu việt của GHPGVN* của Thích Thiện Tâm là một bài viết khẳng định vai trò của GHPGVN. Bài *Suy nghĩ về quan hệ quốc tế của GHPGVN* của Thích Gia Quang bàn về vấn đề quan hệ giao lưu quốc tế của Giáo hội từ khi thành lập.

Bài *Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần phát huy những thành tựu đã đạt được và tiếp tục củng cố để không ngừng phát triển* của Thích Viên Thành đã tập trung nêu lên những khó khăn, những điểm còn chưa làm được của GHPGVN trong thời gian qua. Bài *Vai trò của cư sĩ trong sự nghiệp thống nhất Phật giáo* Tăng Quang điểm lại vai trò của cư sĩ trong lịch sử Phật giáo. Bài *Vai trò hoàng pháp hiện nay* của Thích Thiện Bảo đã bàn cụ thể vào một vấn đề quan trọng của Giáo hội hiện nay, vấn đề hoàng pháp. Bài *Tính tất yếu của sự thống nhất của Đỗ Quang Hưng* khẳng định lại tính tất yếu của sự ra đời GHPGVN năm 1981. Bài *Hai thập kỷ GHPGVN hoạt động với phương châm Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội* của Nguyễn Đức Lữ đã bàn về những thành tựu của GPVN trong hai thập kỷ qua với phương châm đúng đắn được đề ra ngay từ khi thành lập. Bài *Vài suy nghĩ về ý nghĩa công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam* của Trần Hồng Liên đã khẳng định thêm tính đúng đắn của sự kiện thống nhất Phật giáo hình thành GHPGVN. Bài *Đặc trưng của GHPGVN* của Nguyễn Văn May đã đưa ra hai đặc trưng cơ bản của GHPGVN. Đó là, GHPGVN là một Giáo hội vừa mang tính kế thừa, vừa mang tính phát triển theo đà phát triển của xã hội. Bài *Về đường hướng phát triển GPVN trong thế kỷ XXI* của Thích Thiện Hữu đề cập tới những vấn đề GHPGVN cần thực hiện để củng cố và phát triển Giáo hội trong thế kỷ XXI. Thích Nữ Tịnh Thường với bài viết *Phát triển GHPGVN trong thế kỷ XXI* nhấn mạnh vào công tác giáo dục Tăng Ni và

cách thức sử dụng những Tăng Ni được đào tạo căn bản như thế nào để có thể phát huy được tính thiết thực của GHPGVN.

Đề tài cấp bộ *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX* của Nguyễn Quốc Tuấn đã đề cập tới nhiều vấn đề của các tổ chức Phật giáo trước khi thành lập GHPGVN.

Luận án Tiến sĩ của Lê Văn Đính không đề cập về GHPGVN trên bình diện tổng thể mà đi cụ thể vào một lĩnh vực quan trọng của Giáo hội, vấn đề GDPT.

Cuốn sách *Tôn giáo và công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo* của Ban Tôn giáo Chính phủ chuyên đề 5 có tiêu đề *Phật giáo và công tác quản lý Nhà nước đối với Phật giáo* đã thể hiện sơ lược nội dung giáo lý, quá trình phát triển của GHPGVN từ khi thành lập đến nay. Những công trình công trình nghiên cứu có liên quan tới vấn đề tổ chức Phật giáo đã đem lại những tri thức nền tảng cho quá trình nghiên cứu về tổ chức Phật giáo tuy nhiên các tổ chức Phật giáo được trình bày đơn lẻ theo từng giai đoạn. Luận án *Tổ chức GHPGVN từ 1986 đến nay* mong muốn đưa ra một cái nhìn xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của hệ thống tổ chức PGVN từ xưa đến nay, qua đó trình bày cụ thể về tổ chức Giáo hội Phật giáo trong giai đoạn hiện nay là GHPGVN.

1.2. Đặc điểm tôn giáo và Phật giáo Việt Nam từ 1986 đến nay

1.2.1. Đặc điểm tôn giáo Việt Nam giai đoạn trước 1986

Tôn giáo ba miền sau 1975 có nhu cầu hợp nhất để cùng phát triển. Tiến trình hợp nhất của các tôn giáo là không giống nhau. Giai đoạn này, tôn giáo chịu tác động của một số nguyên nhân: Thống nhất đất nước tạo nhu cầu thống nhất các đoàn thể tôn giáo. Từ 1975 đến 1980 là thời gian chuẩn bị cho công cuộc thống nhất của nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo. Công cuộc cải tạo XHCN ở miền Nam đã tạo nên sự biến đổi sâu sắc trong đời sống xã hội và từ đó tác động tới đời sống tôn giáo.

Đảng và Nhà nước đã có những quan điểm chỉ đạo đúng đắn giúp đời sống các tôn giáo dần đi vào ổn định. Năm 1981 Phật giáo đã thực hiện thành công công cuộc thống nhất Phật giáo trên toàn quốc. Tình hình kinh tế khó khăn, tư tưởng vô thần của chủ nghĩa Mác có nhiều tác động đến hoạt động của các tôn giáo nên đời sống tôn giáo tương đối chìm lắng.

1.2.2. Đặc điểm tôn giáo Việt Nam từ sau Đổi mới đến nay

Thứ nhất, cuộc sống kinh tế nhiều thay đổi khiến một bộ phận nhân dân bắt đầu tìm tới tôn giáo như chỗ dựa tinh thần. Hoạt động của các tôn giáo dần dần được khôi phục. Sau những năm 90, các tôn giáo Việt Nam trở dậy. Hoạt động của mọi tôn giáo thời kỳ này đều sôi nổi.

Thứ hai, xu thế thế tục hóa tôn giáo trên thế giới phát triển mạnh và tác động tới tôn giáo Việt Nam.

Thứ ba, tôn giáo Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại hóa phù hợp với sự phát triển xã hội.

Thứ tư, một số tôn giáo, nhánh phái tôn giáo nước ngoài theo chân các nhà đầu tư đã có mặt tại Việt Nam.

Trong xu thế toàn cầu hóa, tôn giáo Việt Nam có sự hòa nhập, ảnh hưởng qua lại với tôn giáo thế giới.

1.2.3. Đặc điểm tình hình Phật giáo Việt Nam từ 1986 đến nay

Thứ nhất, từ sau đại hội đại biểu thống nhất Phật giáo năm 1981, GHPGVN là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho PGVN trong và ngoài nước. Sự ra đời của GHPGVN đã đáp ứng được nguyện vọng đoàn kết thống nhất PGVN của đông đảo Tăng Ni, tín đồ Phật tử PGVN. Đến nay, GHPGVN đã trải qua 6 kỳ Đại hội.

Thứ hai, từ 1986 đến nay, cũng như các tôn giáo khác, Phật giáo có sự phát triển. Sự trở dậy của Phật giáo thể hiện trên nhiều phương diện, như sự gia tăng số lượng người đi lễ chùa; sự gia tăng các thời khóa lễ phục vụ nhu cầu tín đồ; sự gia tăng tu bổ, xây mới các chùa.

Thứ ba, đội ngũ Tăng Ni của GHPGVN ngày càng được nâng cao về chất lượng. Hệ thống giáo dục Phật giáo từng bước được hoàn thiện góp phần đào tạo đội ngũ Tăng Ni sư có trình độ Phật pháp cũng như văn hóa đáp ứng yêu cầu thời đại.

Thứ tư, ảnh hưởng của Phật giáo các nước vào Phật giáo Việt Nam. Trước hết đó là đặc tính của xu thế toàn cầu hóa tôn giáo. Bên cạnh đó, nhiều Tăng Ni Việt Nam đi du học tại các nước Phật giáo đã đưa về nước những nét văn hóa Phật giáo đặc trưng của nước bạn.

1.3. Vài nét về các tổ chức Phật giáo trước 1975

1.3.1. Tổ chức Tăng già trong lịch sử

1.3.1.1. Sự hình thành tổ chức tăng già

Tổ chức Tăng già được bắt nguồn từ từ Sangha. Tổ chức Tăng già được thành lập ngay từ thời Thích Ca. Mục đích của việc hình thành Tăng đoàn là để duy trì Phật pháp. Đi kèm với sự hình thành Tăng đoàn là sự hình thành giới luật Phật giáo. Tư tưởng lục hòa được coi là bản chất của Tăng đoàn.

1.3.1.2. Cơ cấu của tổ chức Tăng già trong lịch sử

Nền tảng hình thành tổ chức Tăng già là những người theo Phật và tin theo, thực hành theo giáo lý của đạo Phật hay còn gọi là tín đồ đạo Phật. Giai đoạn đầu chỉ có các đệ tử hàng xuất gia. Sau đó được hình thành theo hai cấp bậc Tăng già và cư sĩ. Tăng đoàn bao gồm tăng và ni. Về cơ bản, tín đồ đạo Phật thời đó gồm có: Ưu bà tắc, Ưu bà di, Tỳ kheu, Tỳ kheu ni, Sa di, Thức xoa ma ni, Sa di ni.

Các dòng phái Phật giáo tại Việt Nam hoạt động và phát triển dưới hình thức các tổ chức tăng già. Trước thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam tổ chức theo tổ đình và sơn môn. Các tổ chức, hội đoàn Phật giáo bắt đầu được thành lập cùng với phong trào Chấn hưng Phật giáo cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Bối cảnh kinh tế xã hội đã làm cho PGVN thời kỳ này đứng trước nhu cầu phải liên kết các sơn môn hệ phái lại với nhau. Từ đó các tổ chức, hội đoàn Phật giáo ra đời.

1.3.2. Các tổ chức, hội đoàn PGVN thành lập trước 1975

1.3.2.1. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học

1.3.2.2. Liên đoàn Phật học xã:

1.3.2.3. Hội Lương Xuyên Phật học

1.3.2.4. Hội An Nam Phật học

1.3.2.5. Hội Phật giáo Bắc kỳ

1.3.2.6. Hội Phật học Kiềm tế

1.3.2.7. Hội Phật giáo Cứu quốc

1.3.2.8. Hội Tăng Ni Chính lý Bắc Việt

1.3.2.9. Hội Phật học Nam Việt

1.3.2.10. Giáo hội Tăng già Việt Nam

1.3.2.11. Tổng hội PGVN

1.3.2.12. Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam

1.3.2.13. Giáo hội Lục hòa tăng Việt Nam

1.3.2.14. Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam

1.3.2.15. Tịnh độ tông Việt Nam

1.3.2.16. Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam

1.3.2.17. Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam

1.3.2.18. Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam

1.3.2.19. Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo

1.3.2.20. GHPGVN Thống nhất

1.4. Những vấn đề đặt ra

Những nghiên cứu và sự tổng quát khái lược nêu trên ở mức độ nhất định, đã làm rõ được một số vấn đề là: Khái lược về tổ chức Giáo hội Phật giáo qua các kỳ lịch sử. Quá trình hình thành và tính tất yếu của sự hình thành GHPGVN. Mô hình tổ chức của GHPGVN và những thiếu sót cần chỉnh sửa để kiện toàn tổ chức này. Hoạt động của GHPGVN kể từ khi thành lập.

Luận án này, trên cơ sở tiếp thu những nghiên cứu đi trước sẽ tập trung giải quyết các vấn đề: Thứ nhất, làm rõ tính tất yếu hình thành tổ chức GHPGVN. Thứ hai, làm rõ cơ cấu tổ chức của GHPGVN từ khi thành lập tới nay. Qua đó nêu lên những khiếm khuyết cần bổ sung, chỉnh sửa nhằm kiện toàn tổ chức này. Thứ ba, trình bày một số hoạt động chủ yếu của GHPGVN. Những hoạt động này đều xoay quanh hoạt động của các Ban ngành, Viện trực thuộc GHPGVN. Thứ tư, phân tích mối quan hệ quốc tế của GHPGVN và mối quan hệ Nhà nước với GHPGVN.

1.5. Một Số Khái Niệm Sử Dụng Trong Luận án

Luận án sử dụng các khái niệm: An cư kiết hạ, Giáo hội Phật giáo, Cư sĩ, Tín đồ Phật giáo (phật tử), Quy y Tam Bảo, Samôn, Sơn môn, Tăng già, Khuôn hội, Đạo tràng, Dịch vụ Phật giáo.

Chương hai

Quá trình thành lập và cơ cấu tổ chức của GHPGVN hiện nay

2.1. Sự thành lập GHPGVN năm 1981

2.1.1. Tính tất yếu của sự thành lập GHPGVN

Nhu cầu thống nhất các tổ chức Phật giáo là sự đáp ứng yêu cầu thời đại. Trong lịch sử có 4 cuộc vận động thống nhất Phật giáo. Cuộc vận động thành lập GHPGVN năm 1981 là cuộc thống nhất Phật giáo mang tính trọn vẹn đầu tiên trên cả nước.

Sự hình thành GHPGVN là sự kiện mang tính tất yếu lịch sử. Bối cảnh của sự thống nhất Phật giáo toàn quốc là sự thống nhất đất nước. Thống nhất Phật giáo trong tổ chức GHPGVN là nguyện vọng và là mục tiêu phấn đấu của chư Tăng Ni, Phật tử.

2.1.2. Quá trình vận động thành lập giáo hội PGVN

Sau năm 1975, vấn đề hợp nhất các tổ chức nhà nước hai miền cũng bắt đầu được đặt ra và tiến hành. Tuy hoạt động của các tổ chức Giáo hội, hệ phái Phật giáo cũ bị ngừng trệ, nhưng hai tổ chức Phật giáo mới là Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM và Ban Vận động Thống nhất PGVN đã có nhiều cố gắng để xây dựng hình thức hoạt động mới đáp ứng điều kiện đất nước thống nhất.

2.1.2.1. Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP. HCM

Ngày 7-8-1975, tại chùa Xá Lợi, Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP. HCM được thành lập, do HT Thích Minh Nguyệt làm chủ tịch. Ban đã có nhiều đóng góp vào tiến trình thống nhất Phật giáo toàn quốc sau này.

2.1.2.2. Ban Vận động Thống nhất PGVN

Ngày 12-2-1980, Ban Vận động Thống nhất PGVN thành lập với sự tham gia của 9 tổ chức giáo hội, giáo phái. Mục đích để đi tới thống nhất Phật giáo, Ban Vận động đã qua 3 kỳ đại hội.

2.1.3. Đại hội Thống nhất PGVN

Ngày 4-11-1981, Hội nghị đại biểu thống nhất PGVN họp tại chùa Quán Sứ, Hà Nội bàn về việc thành lập GHPGVN có tính thống nhất trên toàn quốc. Có 3 tiền đề cơ bản cho sự thống nhất Phật giáo lần này. Chương trình hoạt động gồm 6 điểm cũng đã được thảo luận và đi đến thống nhất.

Hội nghị gồm 165 đại biểu tham dự gồm các hàng giáo phẩm lãnh đạo và các Phật tử tiêu biểu đại diện cho 9 tổ chức, giáo hội, hệ phái Phật giáo cả nước. Đại hội cũng thống nhất được bản Hiến chương GHPGVN gồm 11 chương 46 điều đã được duyệt và Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng Đặng Thĩ ký và đóng dấu ngày 29 tháng 12 năm 1981.

2.1.4. ý nghĩa lịch sử của việc thành lập GHPGVN

Sự ra đời của GHPGVN là tất yếu khách quan của lịch sử phát triển của PGVN. Thống nhất Phật giáo cả nước trong một GHPGVN là nguyện vọng thiết tha của đa số các vị giáo phẩm, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam không phân biệt sơn môn, pháp phái.

Thống nhất PGVN được đặt trên nguyên tắc: thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, tuy nhiên, các truyền thống hệ phái và phương tiện tu hành đúng chính pháp vẫn được duy trì. GHPGVN ra đời là sự nối tiếp, kế thừa sự nghiệp Phật giáo trên toàn quốc. Đó là sự kết hợp, thống nhất một cách tự nguyện giữa các hệ phái để phát triển không phải loại trừ.

2.2. Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

2.2.1. Hội đồng Chứng minh

Chức năng của HĐCM là cơ quan tối cao chủ trì những hoạt động tín ngưỡng đạo pháp của Giáo hội, hướng dẫn những vấn đề thuộc về Phật giáo, giới luật, lễ nghi trong Giáo hội. HĐCM có chức năng làm cố vấn chứng minh, giám sát các hoạt động của HĐTS. Chức năng này đã được ghi trong điều 11 chương IV Hiến pháp đầu tiên năm 1981.

2.2.2. Hội đồng Trị sự

Quy định về HĐTS được ghi trong chương V, Hiến chương.

Chức năng HĐTS quy định theo điều 15, Hiến chương là cơ quan lãnh đạo cao nhất về mặt hoạt động của Giáo hội giữa hai kỳ đại hội đại biểu GHPGVN. HĐTS ấn định chương trình hoạt

động hàng năm của Giáo hội đúng theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu GHPG VN, đôn đốc và kiểm soát việc thực hiện chương trình đó.

2.2.3. Các Ban, Viện chuyên môn

Hiến chương đầu tiên công bố tại Đại hội I, HĐTS có 6 Ban: Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng Ni, Ban Hướng dẫn nam nữ Phật tử, Ban Hoàng pháp, Ban Nghi lễ và Ban Văn hóa. Đến Đại hội kỳ II tăng thêm 2 Ban nữa là Ban Kinh tế nhà chùa — Từ thiện xã hội và Viện Nghiên cứu Phật học. Sang Đại hội kỳ III, Ban Kinh tế nhà chùa — Từ thiện xã hội được tách làm 2 ban độc lập: Ban Kinh tế Tài chính và Ban Từ thiện xã hội. Đồng thời, một ban mới hình thành là Ban Phật giáo Quốc tế. Cho đến nay, cơ cấu các Ban ngành trực thuộc HĐTS vẫn giữ nguyên 10 Ban, Viện. Cơ cấu, quy chế hoạt động của các Ban, Viện được quy định cụ thể trong Nội quy Ban Thường trực HĐTS.

2.2.4. BTS Tỉnh, Thành hội Phật giáo

Theo điều 23, 24, 25 chương VI, Hiến chương 1981:

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Tăng Ni và cư sĩ Phật tử được thành lập một Tỉnh Hội, Thành Hội trực thuộc TƯGH, do một BTS điều hành. BTS không quá 25 thành viên, bầu ra Ban Thường trực gồm có: Một Trưởng BTS; các Phó Trưởng Ban; các ủy viên phụ trách các ngành thể theo các Ban Trung ương; một Chánh Thư ký; một Phó Thư ký; một Tài chính; một Thủ quỹ; một Kiểm soát.

2.2.5. Ban Đại diện các quận, huyện, thị xã

Điều 26, chương VI, Hiến chương năm 1981(điều 27, chương VI, Hiến chương 1997) ghi rõ: Huyện, Quận nếu có Tăng Ni và cư sĩ Phật tử, BTS Tỉnh Hội, Thành Hội có thể bổ nhiệm một Ban Đại diện gồm có: Một Chánh đại diện; một Phó đại diện; một Thư ký trong hàng Tăng Ni, Phật tử ở địa phương. Trách nhiệm của Ban Đại diện quận, huyện, thị xã được quy định trong điều 20 Nội quy Ban Thường trực HĐTS.

2.2.6. Đại diện các phường, xã

Đại diện các phường, xã được quy định trong điều 26, chương VI, Hiến chương 1981(điều 27, chương VI, Hiến chương 1997): Những Xã, Phường nếu có Tự, Viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường có Tăng Ni và cư sĩ Phật tử, xét thấy cần thiết, BTS Tỉnh Hội, Thành Hội có thể bổ nhiệm các đại diện tại địa phương đó, để giúp quận, huyện liên hệ với các cơ sở của Giáo hội về mặt sinh hoạt tín ngưỡng.

2.2.7. Mối quan hệ giữa các tổ chức, Ban, Viện của GHPG VN

Hiến chương và Nội quy hoạt động của BTS Tỉnh, Thành hội Phật giáo trực thuộc TƯGH gồm những quy định cụ thể về mối quan hệ theo chiều dọc. Bên cạnh sự phân cấp theo chiều dọc, các tổ chức, Ban, Viện của GHPGVN có mối quan hệ chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện các hoạt động Phật giáo.

Cơ cấu tổ chức của GHPGVN gồm 10 Ban, Viện trực thuộc. Mỗi Ban, Viện hoạt động độc lập, có chức năng, nhiệm vụ riêng biệt. Tuy nhiên, các Ban, Viện thuộc GHPGVN cũng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Quan hệ chặt chẽ giữa các Ban, Viện là cần thiết vì một hoạt động Phật giáo có mối liên quan tới một hoặc nhiều Ban khác nhau. Mối quan hệ chặt chẽ giữa các Ban, tổ chức của GHPGVN là vô cùng quan trọng và cần thiết để đảm bảo mọi hoạt động của Giáo hội được phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ và có hiệu quả cao.

2.3. Một số vấn đề đặt ra nhằm hoàn thiện hơn cơ cấu tổ chức GHPGVN hiện nay

Thứ nhất, vấn đề xây dựng cơ cấu tổ chức hoàn thiện tới cấp cơ sở. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của GHPGVN Gồm 3 cấp: TƯ, Tỉnh, Thành hội và Ban Đại diện quận, huyện, thị xã. *GHPGVN nên có thêm cấp cơ sở là các tự viện.*

Thứ hai, vấn đề trẻ hóa nhân sự. Tình hình thực tế xã hội ngày nay đặt ra vấn đề cần trẻ hóa đội ngũ nhân sự của Giáo hội. Các kiến nghị tập trung vào vấn đề quy định cụ thể về tuổi tác và thời gian, số nhiệm kỳ phục vụ. Trẻ hóa nhân sự là một vấn đề cần thiết song phải có thời gian điều chỉnh từng bước cho phù hợp. Sự có mặt của những HT, TT tuổi cao đức trọng giúp giữ vững sự ổn định, đoàn kết cho Giáo hội.

Thứ ba, vấn đề điều chỉnh cơ cấu tổ chức Giáo hội. Đã có nhiều ý kiến xoay quanh vấn đề số lượng thành viên HĐCM, HĐTS, BTS các Tỉnh, Thành hội Phật giáo. Quy định cứng nhắc số lượng thành viên

như hiện nay là bất cập vì nhu cầu phát triển của từng tỉnh, thành là khác nhau. Giải pháp được đưa ra là xóa bỏ số lượng cụ thể trong quy định số lượng thành viên của HĐTS, BTS.

Những quy định đối với các thành viên các ban ngành của Giáo hội cũng cần được điều chỉnh. Các ban ngành nên hạn chế chế độ kiêm nhiệm chồng chéo như hiện nay. GHPGVN hiện nay tồn tại phổ biến hiện tượng một người kiêm nhiệm nhiều chức vụ, có người chỉ có tên mà không có sức khỏe, không có thời gian hoạt động.

Thứ tư, vấn đề cải cách cơ cấu tổ chức của Giáo hội. Một số ý kiến cho rằng số lượng Ban ngành, Viện như hiện nay của Giáo hội là không đủ để đáp ứng đòi hỏi thực tế. Trước mắt có một số Ban cần thiết phải được đưa vào hệ thống Ban, ngành, Viện như ban Xây dựng — Kiến trúc. Những vấn đề này không thể giải quyết trong thời gian ngắn, GHPGVN cần có kế hoạch giải quyết dần từng bước nhằm kiện toàn hệ thống cơ cấu tổ chức của mình.

2.4. Tiểu kết chương 2

Những trình bày trong Chương hai cho thấy tính tất yếu của sự ra đời tổ chức GHPGVN năm 1981 và hệ thống cơ cấu tổ chức của GHPGVN từ khi thành lập đến nay.

Sau nhiều nỗ lực, tới tháng 11 năm 1981, chín hệ phái Phật giáo trong cả nước đã hợp nhất thành tổ chức GHPGVN. Ngay tại Đại hội đại biểu Phật giáo lần thứ nhất, Hiến chương Phật giáo đã được thông nhất với 11 chương, 48 điều. Đây là lần đầu tiên PGVN có một Giáo hội với cơ cấu tổ chức hành chính hoàn chỉnh gồm các cấp từ TƯ tới địa phương.

Mọi hoạt động của GHPGVN do hai hội đồng: HĐCM và HĐTS điều hành. HĐTS hiện có 10 Ban, Viện trực thuộc. Mỗi Ban, Viện đảm nhiệm một hoạt động cụ thể. Chức năng, nhiệm vụ của từng Ban, ngành được quy định trong Hiến chương và Nội quy hoạt động BTS. Mỗi Ban, ngành, mỗi cấp Giáo hội có nội quy riêng theo nguyên tắc không trái với quy định của Ban, ngành cấp trên.

Qua các kỳ đại hội, cơ cấu tổ chức của GHPGVN ngày càng được hoàn thiện. Những bước phát triển về cơ cấu tổ chức của GHPGVN thể hiện ở sự gia tăng các Ban, ngành, Viện trực thuộc HĐTS đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn. Từ 6 Ban tại đại hội I, đến đại hội II tăng thêm 2 thành 8 Ban, Viện và đến đại hội III tăng thêm 2 thành 10 Ban, Viện và duy trì tới nay. Hiện nay, một số ý kiến cải cách cơ cấu tổ chức Giáo hội đề nghị tăng thêm một số Ban. Số lượng thành viên HĐTS, Ban Thường trực HĐTS cũng được tăng lên qua các kỳ đại hội. Sự gia tăng số lượng thành viên của HĐTS thể hiện sự thích ứng đối với sự gia tăng hệ thống các Ban, Viện và đảm bảo có đủ đội ngũ lãnh đạo chỉ đạo các hoạt động Giáo hội được hiệu quả.

Các tổ chức Giáo hội các cấp và các Ban, Viện chuyên môn của HĐTS có mối quan hệ chặt chẽ cả theo chiều dọc và chiều ngang. Sự phối hợp chặt chẽ đó đã mang lại những thành tựu cho PGVN ngày nay.

Tuy nhiên, bộ máy hành chính của GHPGVN vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Đó là các vấn đề trẻ hóa nhân sự, đào tạo tăng tài, cơ cấu lại hệ thống các Ban, ngành, viện...

Chương 3 **Hoạt động chủ yếu của GHPGVN từ 1986 đến nay**

3.1. Hoạt động tăng sự, nghi lễ

3.1.1. Hoạt động tăng sự

Đây là một trong những hoạt động then chốt của Giáo hội nhằm duy trì và phát triển đạo Phật. Ngay từ khi thành lập, Ban Tăng sự đã có những hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các quy định, nội quy, quy chế đối với Tăng Ni. Ban Tăng sự đã cùng Ban Nghi lễ tổ chức nhiều giới đàn thọ giới, truyền giới. Số lượng giới tử ngày càng đông, các giới đàn được tổ chức nghiêm túc, đúng theo quy định. Quản lý Tăng Ni chặt chẽ góp phần ngăn ngừa tình trạng sư giả, mang danh nghĩa nhà sư làm điều bất chính gây tổn hại tới thanh danh của Giáo hội. Bên cạnh đó Ban Tăng sự đã làm tốt các công tác Tăng sự khác như hoạt động an cư kiết hạ, lựa chọn bổ nhiệm trụ trì, đào tạo trụ trì.

3.1.2. Hoạt động nghi lễ

Các nghi lễ gồm khóa lễ thường ngày, các đại lễ và các khóa lễ theo yêu cầu của tín đồ.

3.1.2.1. Khóa lễ thường ngày. Khóa lễ này vào: sáng, trưa, chiều và tối. Đây là những thời khóa hành trì mang tính bắt buộc đối với các Tăng Ni sư tại các chùa. Thông qua các thời khóa này, các Tăng Ni sư tinh tấn thêm trên con đường đạo pháp. Trong điều kiện xã hội hiện đại với nhịp sống sôi động, không phải Tăng Ni sư nào cũng có thể duy trì đầy đủ các thời khóa tu tập hàng ngày của mình.

3.1.2.2. Đại lễ: gồm Lễ Phật đản; Lễ Vu Lan; Đại lễ cầu siêu. GHPGVN đã có sự chỉ đạo cụ thể các khóa lễ này trên toàn quốc.

3.1.2.3. Hoạt động nghi lễ đáp ứng nhu cầu của phật tử

Các nghi lễ đáp ứng nhu cầu của phật tử bao gồm: lễ cầu an, tổ chức vào đầu năm; lễ cúng sao giải hạn tổ chức vào đầu năm; lễ cầu siêu đưa vong lên chùa; lễ bán khoán, lễ cắt giải tiền duyên, lễ chạy đàn.

Các hoạt động nghi lễ theo yêu cầu của tín đồ xuất hiện và trở thành một hoạt động tôn giáo phổ biến vào những năm 90 của thế kỷ 20. Đây là một trong những giải pháp mang tính tâm linh được Phật giáo lựa chọn để giải quyết vấn đề xã hội đương đại, và nó đã thực sự thể hiện là một công cụ hữu ích.

3.2. Hoạt động hoàng dương đạo pháp và giáo dục

3.2.1. Hoạt động hoàng pháp

Nội dung công việc hoàng pháp chủ yếu là chọn lọc, soạn thảo những bài giảng tiêu biểu phổ biến trên toàn quốc, những bài giảng mang tính giáo dục tư tưởng cơ bản của Phật giáo ngày nay, xây dựng một nếp sống đạo lành mạnh đúng chính pháp... Để thực hiện được mục tiêu này, Giáo hội đã chú trọng đào tạo đội ngũ giảng sư.

Hoạt động hoàng pháp của Phật giáo cũng tiếp cận nền khoa học kỹ thuật hiện đại trong thời kỳ công nghệ thông tin với nhiều website được thiết lập.

Hoạt động hoàng pháp ngày nay không những được thực hiện đúng theo tôn chỉ và mục đích của chính pháp, mà còn được vận dụng một cách khéo léo, khéo cơ vào hiện thực cuộc sống trên hai phương diện lý thuyết và thực hành. Tuy đạt được nhiều thành tựu đáng kể, song vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế. Trước tiên là vấn đề phân bố giảng sư đến giảng Phật pháp tại các tỉnh thiếu giảng sư, nhất là vùng sâu vùng xa. Thứ hai, việc dịch và truyền bá PGVN tại hải ngoại cần được tăng cường. Thứ ba, hệ thống mạng internet với nội dung Phật giáo đã có nhưng chưa phong phú, đa dạng.

3.2.2. Hoạt động giáo dục Tăng Ni

Trên cơ sở tiếp tục các mô hình đào tạo đã có trước 1981, GHPGVN đã xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống trường Phật học trực thuộc giáo hội với cơ cấu tổ chức hành chính các cấp từ trung ương tới địa phương.

Hệ thống các trường Phật học trực thuộc GHPGVN được phân thành các cấp học. Cao nhất là bậc đại học với 4 Học viện Phật giáo. Bậc đào tạo thứ hai là bậc Cơ bản Phật học. Bậc đào tạo thứ ba, Trung cấp Phật học. Hệ thống trường Trung cấp Phật học chỉ đến nhiệm kỳ IV mới được được kiện toàn. Hiện Giáo hội có 30 trường Trung cấp Phật học. Bậc thứ tư là Sơ cấp. Hệ thống trường Sơ cấp Phật học được hình

thành trong nhiệm kỳ III. Các lớp Sơ cấp Phật học đã được tổ chức tại một số Tỉnh, Thành hội Phật giáo. Ngoài ra, GHPGVN cũng đã chú trọng tới các khóa đào tạo đặc biệt cho hệ phái Nam tông Khmer.

Cử Tăng Ni đi du học nước ngoài bắt đầu trong nhiệm kỳ II với số lượng ngày càng tăng qua các nhiệm kỳ.

Trong những năm qua GHPGVN vừa từng bước kiện toàn cơ cấu các Học viện, nhà trường về cả nhân sự và giáo trình giảng dạy, vừa mở rộng phạm vi đào tạo cả trong và ngoài nước nên đã tạo được một nề nếp giáo dục từ trung ương đến địa phương. Chất lượng đào tạo cả đầu vào và đầu ra cũng được từng bước cải thiện, phản ánh bằng điểm chuẩn tuyển sinh và tỷ lệ tốt nghiệp khá, giỏi khi ra trường... Tuy vậy thực tế vẫn còn nhiều vấn đề cần phải khắc phục. Những vấn đề còn tồn tại của giáo dục Phật giáo hiện nay có: Thứ nhất, thiếu đội ngũ giảng sư chuyên nghiệp, được đào tạo phương pháp giảng dạy sư phạm. Thứ hai, giáo trình chưa thống nhất trên toàn quốc. Thứ ba là “cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy tuy đã đảm bảo được những nhu cầu thiết yếu song vẫn đơn thuần chưa phong phú. Về chương trình học tỷ trọng về thời lượng các môn học chưa cân đối, cách sắp xếp chưa khoa học.

Giáo dục thanh thiếu niên Phật tử là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục Phật giáo. Hiện nay, giáo dục thanh thiếu niên Phật tử chỉ được thể hiện trong hệ thống giáo dục GDPT. Hệ thống giáo dục GDPT là giáo dục đức dục trí dục. Chương trình học tập của các em không chỉ có lý thuyết mà còn bao gồm cả phần thực hành giúp các em có sự hiểu biết toàn diện.

3.3. Hoạt động từ thiện xã hội

3.3.1. Các tổ chức hoạt động từ thiện

Hoạt động từ thiện xã hội là một trong những hoạt động Phật sự lớn có tác động và ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội. Trong những năm qua, BTS GHPG các tỉnh, thành đã chú trọng chăm lo xây dựng các cơ sở từ thiện xã hội như hệ thống các Tuệ Tĩnh Đường, Cô Nhi Viện, nhà dưỡng lão, các cơ sở dạy nghề, các lớp mẫu giáo tình thương...

3.3.1.1. Hệ thống Tuệ Tĩnh Đường :

Hiện toàn quốc có 126 Tuệ Tĩnh đường, 115 phòng thuốc chẩn trị y học đã khám, chữa bệnh và phát thuốc.

3.3.1.2. Cô Nhi viện:

Hiện trên toàn quốc có 36 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nhà nuôi trẻ mồ côi, khuyết tật với trên 20.000 em.

3.3.1.3. Nhà dưỡng lão:

Hiện toàn quốc có trên 20 cơ sở nhà dưỡng lão, nuôi dưỡng trên 1.000 cụ già. Một số chùa tuy không thành lập nhà dưỡng lão nhưng vẫn đón nhận, chăm sóc các cụ già có nhu cầu nương thân cửa Phật.

3.3.1.4. Cơ sở dạy nghề:

Hiện có khoảng 10 trường dạy nghề trên toàn quốc gồm các nghề may, điện gia dụng, tin học, sửa xe, cắt tóc...

3.3.1.5. Các lớp mẫu giáo, lớp học tình thương:

Cả nước hiện có trên 1.000 lớp học tình thương với trên 20 000 em. Tuy nhiên, lực lượng giáo viên chuyên môn do Tăng Ni, Phật tử đảm trách còn hạn chế. Ban Từ thiện Xã hội Trung ương GHPGVN đã tổ chức khóa bồi dưỡng nuôi dạy trẻ cho 92 Tăng Ni, Phật tử học viên.

3.3.1.6. Trung tâm tư vấn, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS

Với tinh thần nhập thế, Phật giáo tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội. Góp phần cùng toàn nhân loại ngăn chặn bệnh dịch thế kỷ HIV/AIDS và xoa dịu nỗi đau của những người không may bị nhiễm căn bệnh thế kỷ này, PGVN thành lập nhiều cơ sở nuôi người nhiễm HIV/AIDS cũng như thành lập các trung tâm tư vấn HIV/AIDS.

3.3.1.7. Câu lạc bộ dưỡng sinh

Câu lạc bộ dưỡng sinh là một tổ chức trong hệ thống cơ sở từ thiện xã hội của chùa Kỳ Quang II. Đối tượng tham gia sinh hoạt là những người có hoàn cảnh khó khăn cơ nhỡ, người đang cai nghiện, chị em lầm lỡ, anh chị em mãn hạn tù, anh chị em có HIV/AIDS.

3.3.1.8. Trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người nhiễm chất độc màu da cam

Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương chính sách cụ thể đối với những người bị nhiễm chất độc màu da cam song, điều kiện ngân sách còn hạn hẹp nên chưa thể đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu cuộc sống của họ. Đóng góp sức mình gánh vác công việc xã hội cùng Nhà nước, nhiều trung tâm từ thiện tại các chùa Phật giáo đã nhận nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng này.

3.3.2. Các hoạt động cứu trợ khác

Bằng tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật, BTS các Tỉnh, Thành hội Phật giáo và Tăng Ni Phật tử các nước dưới sự chỉ đạo của Giáo hội đã nỗ lực vận động tài chính, vật phẩm cứu trợ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, trợ cấp học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, xây dựng đường xá, bắc cầu; hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa như mở trường học, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các chiến sĩ biên phòng, hải đảo, thăm hỏi và động viên hỗ trợ các thương binh, bệnh binh, bệnh nhân nghèo khó tại các bệnh viện, trại phong, trại tâm thần, nhà dưỡng lão, ủng hộ quỹ bảo thọ, trợ cấp học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo hiếu học...

3.4. Hoạt động hướng dẫn Phật tử

3.4.1. Hoạt động hướng dẫn Cư sĩ Phật tử

Hoạt động hướng dẫn Cư sĩ Phật tử được thực hiện thông qua các hội đoàn Phật tử như Hội quy, Khuông hội, đạo tràng...

3.4.1.1. Hội quy

Hội quy có tại hầu hết các chùa hiện nay, với khoảng vài trăm người. Hội quy được chia ra thành từng tổ theo tên gọi các kinh tụng như tổ Pháp Hoa, Dược Sư, Di Đà... Thành viên tham gia hội quy hiện nay chủ yếu vẫn là nữ giới.

Hoạt động chủ yếu của hội quy là tụng kinh trên chùa vào các ngày cố định hàng tuần hoặc hàng tháng tùy theo từng hội quy. Các thành viên hội quy còn tham gia các hoạt động khác như tham gia các khoá lễ, thăm hỏi nhau khi đau ốm, giúp đỡ các thành viên trong tổ khi gia đình có việc như tang gia, người ốm nặng cần hội cúng lễ cầu an, tổ chức hành hương các chùa dịp đầu xuân, nghe giảng kinh...

3.4.1.2. Khuôn hội

Mỗi Khuôn hội gồm một số tín đồ Phật giáo tại một vùng nào đó, cùng đi lễ tại cùng một ngôi chùa. Tổ chức Khuôn hội hiện vẫn đang hoạt động có hiệu quả tại miền Trung. Cơ sở hoạt động của Khuôn hội là Niệm Phật đường. Hoạt động chủ yếu của Khuôn hội là những hoạt động phục vụ các nghi lễ của nhà chùa. Khuôn hội sẽ trực thuộc một chùa nhất định. Ngoài ra, Khuôn hội cũng có những hoạt động quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần của các thành viên trong Khuôn như thăm hỏi, giúp đỡ khi các thành viên có chuyện ốm đau, hiếu, hi... Một công việc quan trọng của Khuôn hội là điều hành, lãnh đạo hoạt động của tổ chức GDPT.

3.4.1.3. Đạo tràng

Nội dung sinh hoạt của đạo tràng tùy thuộc vào người đứng đầu đạo tràng. Tại các đạo tràng có truyền giảng pháp, tu thiền, quy y. Các Phật tử thuộc đạo tràng tham dự vào các hoạt động nghi lễ của sư đứng đầu đạo tràng. Cơ sở của đạo tràng có thể tại chùa cũng có thể tại nhà riêng của một Phật tử.

Ngày sinh hoạt của đạo tràng tùy thuộc vào sự thống nhất của các Phật tử trực thuộc đạo tràng hoặc người sáng lập đạo tràng đó.

3.4.2. Hướng dẫn sinh hoạt gia đình Phật tử

GDPT là một tổ chức của thanh thiếu niên, nhi đồng Phật tử hay thuộc con em các GDPT. Năm 1981, GHPGVN thống nhất trên toàn quốc, xây dựng tổ chức ở cấp cơ sở, thành lập BTS Phật giáo ở các tỉnh, thành vấn đề khôi phục lại sinh hoạt của GDPT đã được đặt ra. Đến đại hội III, vấn đề GDPT mới được chính thức đặt ra và sau này thông bạch 445 ngày 21 tháng 7 năm 1995 của HĐTS trung ương GHPGVN cụ thể hoá tinh thần của đại hội III về GDPT.

Quy định về tổ chức GDPT đã được ghi trong Hiến chương Phật giáo. Hệ thống tổ chức của GDPT Việt Nam hiện nay từ cấp Trung ương đến địa phương. GDPT hiện nay đã được phục hồi trên địa

bản khá rộng, tập trung khoảng 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chiếm khoảng 34,4% địa bàn cả nước chủ yếu tại các tỉnh miền Trung, Nam, Tây nguyên.

Bên cạnh hệ thống GDPT hoạt động hợp pháp có đăng ký hoạt động với Giáo hội là một số GDPT hoạt động không đăng ký với Giáo hội. Hoạt động của những đơn vị GDPT không đăng ký sinh hoạt với Giáo hội gây nhiều vấn đề phức tạp cho sinh hoạt GDPT nói riêng và PGVN nói chung. Bộ phận những đơn vị GDPT này thường xuyên có mối liên hệ và được sự ủng hộ của các GDPT tại hải ngoại nên rất phát triển và tạo nên nhiều vấn đề Giáo hội và Nhà nước cần quan tâm giải quyết.

3.5. Tiểu kết chương 3

Các hoạt động Phật sự đã thể hiện sự trưởng thành của GHPGVN, đồng thời, những hoạt động này cũng đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của các Ban, ngành, Viện trực thuộc Giáo hội. Đây là một minh chứng cụ thể có tính hợp lý trong cơ cấu tổ chức của GHPGVN.

Thông qua các hoạt động của mình, GHPGVN kể từ khi thành lập đến nay đã từng bước phát triển sự nghiệp hoàng dương chính pháp. Tư tưởng Phật giáo ngày càng đi sâu vào đời sống tâm linh của mọi tầng lớp nhân dân. GHPGVN đã hòa nhập với xu thế phát triển chung thế giới trong thời đại công nghệ thông tin, sử dụng hữu hiệu các phương tiện truyền thông hiện đại để hoàng dương PGVN với cộng đồng Phật giáo thế giới, với Phật tử trong và ngoài nước.

Sự nghiệp giáo dục Phật giáo từng bước hoàn thiện cung cấp cho GHPGVN đội ngũ Tăng Ni có đủ trình độ, tri thức phục vụ công tác Phật sự. Đội ngũ Tăng Ni lớn mạnh đã góp phần tạo điều kiện cho GHPGVN mở rộng phát triển Phật pháp trên toàn quốc.

Các hoạt động Phật giáo cũng thể hiện GHPGVN đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của một bộ phận quần chúng nhân dân. Điều này được đặc biệt thể hiện ở hoạt động các dịch vụ Phật giáo. Các khóa lễ đã mang lại cho người tham dự sự an định tinh thần.

Tinh thần nhập thế của Phật giáo đã được thể hiện trong các hình thức từ thiện xã hội của Phật giáo. Thông qua các hình thức hoạt động từ thiện, GHPGVN đã có tác động và ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội. Bằng hoạt động này, GHPGVN đã góp phần cùng Đảng và Nhà nước giải quyết một số vấn đề bức xúc trong điều kiện kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn hiện nay như nuôi trẻ mồ côi, nuôi người nhiễm HIV/AIDS, tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS...

Chương bốn

Quan hệ quốc tế của GHPGVN và quan hệ giữa GHPGVN với Nhà nước

4.1. quan hệ giao lưu quốc tế của GHPGVN

4.1.1. Quan hệ của GHPGVN với một số tổ chức Phật giáo quốc tế

Giao lưu quốc tế nổi bật của PGVN là giao lưu vì hòa bình. GHPGVN là thành viên của tổ chức ABCP ra đời vào năm 1970.

Tổ chức quốc tế khác mà PGVN trước đây có quan hệ bang giao, nhưng từ khi GHPGVN thành lập, GHPGVN không còn duy trì mối quan hệ này tổ chức WFB.

GHPGVN tham gia tổ chức Ni giới thế giới. Đây là tổ chức hoạt động nhằm khẳng định quyền bình đẳng nam nữ, tạo cơ hội cho nữ giới trong các hệ phái Phật giáo tu học, hoạt động vì mục tiêu hòa bình và công bằng xã hội. Chính phủ Việt Nam đã chấp thuận cho GHPGVN đăng cai tổ chức Hội nghị Ni giới thế giới lần thứ 11 tại Việt Nam vào tháng 12 năm 2009.

4.1.2. GHPGVN tham gia hoạt động Phật giáo quốc tế

GHPGVN đã khẳng định vị trí và vai trò của mình trong cộng đồng Phật giáo thế giới thông qua các hoạt động giao lưu quốc tế. Năm 2008, Chính phủ Việt Nam đã đăng cai Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc. Đại lễ Vesak 2008 thể hiện 6 ý nghĩa: ý nghĩa tâm linh, ý nghĩa Giáo hội, ý nghĩa văn hóa, ý nghĩa học thuật, ý nghĩa chính trị, ý nghĩa kinh tế. Thành công của Đại lễ Vesak là thành công của cả GHPGVN và của Nhà nước Việt Nam.

GHPGVN là thành viên của Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới do HT Kyuse Kenshin Joh, Tông chủ Niệm Phật tông Nhật Bản sáng lập năm 1998. Chính phủ Việt Nam đã đồng ý cho phép GHPGVN đăng cai tổ chức hội nghị lần thứ VI vào năm 2010 tại 2 tỉnh Quảng Ninh và Ninh Bình (Việt Nam).

Ngoài những Đại hội, Hội nghị GHPGVN tham dự với tư cách thành viên như trên, GHPGVN còn tham dự nhiều Đại hội, Hội nghị quốc tế khác. Phần lớn các Hội nghị liên quan tới vấn đề hòa bình.

4.1.3. Quan hệ giữa GHPGVN với Phật giáo các nước

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và tiếp nhận cả hai hệ phái Bắc tông và Nam tông. Với tinh thần hòa bình, hữu nghị, đoàn kết với các nước Phật giáo trên thế giới để hợp tác hoàng dương chính pháp và góp phần xây dựng, củng cố nền hòa bình cho nhân loại, từ khi thành lập đến nay, GHPGVN đã có mối quan hệ giao lưu quốc tế với nhiều nước Phật giáo như: Srilanca, Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Lào, Trung Quốc, ấn Độ, Mông Cổ, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Singapore, Indonesia...

4.2. quan hệ giữa GHPGVN với PGVN tại hải ngoại, nhóm mao xung GHPGVNTN và tổ chức Phật giáo Làng Mai

4.2.1. Quan hệ giữa GHPGVN với PGVN tại hải ngoại

PGVN có các mối quan hệ cá nhân hoặc trong nội bộ sơn môn, pháp phái với Tăng Ni, Phật tử người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài tập trung ở một số nước như: Mỹ, Canada, Pháp, úc... Hiện có hai trào lưu PGVN ở nước ngoài là nhóm PGVN vì dân tộc và đối lập là nhóm PGVN chống phá cách mạng và GHPGVN. Theo số liệu không chính thức từ phía GHPGVN, hiện nay có khoảng gần 500 Tăng Ni Việt Nam với hơn 1 triệu Phật tử người Việt Nam đang sinh hoạt tại trên 300 ngôi chùa ở hàng chục quốc gia khác nhau trên thế giới.

Thực tế, đại bộ phận Tăng Ni, Phật tử Việt Nam sống ở nước ngoài không tham gia vào các vấn đề chính trị, có thái độ ôn hòa và có tình cảm đối với GHPGVN. GHPGVN đã cố gắng đáp ứng nhu cầu truyền bá Phật pháp của kiều bào bằng cách cử các Tăng Ni có trình độ sang giảng pháp tại các nước theo yêu cầu của Phật tử.

Bên cạnh đó còn một bộ phận Tăng Ni, Phật tử cực đoan di cư ra sống tại nước ngoài. Số Tăng Ni này chủ yếu được chia làm 2 phái. Một do HT Thích Tâm Châu đứng đầu. Hai là phái Phật giáo ấn Quang. Cả hai phái này đều có những hoạt động câu kết với các thế lực phản động ở nước ngoài để chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam và phá hoại sự đoàn kết trong GHPGVN.

4.2.2. Thái độ của GHPGVN đối với nhóm mạo xưng GHPGVN TN

GHPGVN TN thành lập năm 1964 quy tụ các hội đoàn, tông phái Phật giáo về một mối. Sự ra đời của tổ chức GHPGVNTN là một bước tiến lớn của PGVN trên con đường hiện đại hóa Phật giáo trong tinh thần nhập thế.

Khi thành lập GHPGVN, một số tăng sư GHPGVNTN không đứng trong hàng ngũ lãnh đạo của GHPGVN. Đó là HT Thích Huyền Quang, Viện phó Viện Hóa đạo GHPGVNTN, HT Thích Quảng Độ, Chánh Thư ký Viện Hóa đạo GHPGVNTN. Những đối tượng này đã có hành vi chống đối chính quyền và GHPGVN.

Lợi dụng cái chết của HT Thích Đôn Hậu, và lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước ta, HT Thích Huyền Quang đã cùng nhóm cực đoan ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế tự xưng là người được HT Thích Đôn Hậu “*Di chúc*” trao “*án tín*” cho đứng đầu và đề nghị khôi phục hoạt động GHPGVNTN. Bắt đầu từ đó, HT Thích Huyền Quang, HT Thích Quảng Độ cầm đầu nhóm cực đoan lợi dụng danh nghĩa Phật giáo đòi khôi phục lại GHPGVNTN, có nhiều hành động chống phá GHPGVN và Nhà nước Việt Nam.

GHPGVN kiên quyết phản đối các hoạt động đòi khôi phục GHPGVNTN của một số thành viên thuộc Giáo hội này. Phật giáo Việt Nam coi đây là một sự mạo xưng làm chia rẽ đoàn kết Phật giáo toàn quốc. Quan điểm của GHPGVN rất rõ ràng: kể từ khi thành lập vào tháng 11 năm 1981, GHPGVN là tổ chức Phật giáo hợp pháp duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam đối với các hoạt động Phật sự trong và ngoài nước.

4.2.3. GHPGVN và tổ chức Phật giáo Làng Mai

4.2.3.1. Làng Mai và thiền sư Thích Nhất Hạnh

Làng Mai là một địa danh nằm ở phía Tây Nam nước Pháp, tại đây hình thành một trung tâm Phật giáo Làng Mai. Đứng đầu là thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh sinh năm 1926 tại Thừa Thiên Huế, tục danh là Nguyễn Xuân Bảo. Năm 16 tuổi, ông xuất gia tu học tại chùa Từ Hiếu, thọ giáo với thiền sư Thanh Quý Chân Thật, được trao khả ấn vào năm 1966, chính thức trở thành thiền sư đời thứ 8 dòng Liễu Quán, đời 42 dòng Lâm Tế. Ông là tác giả của nhiều cuốn sách Phật giáo nổi tiếng như *Việt Nam Phật giáo sử luận* với bút danh Nguyễn Lang.

4.2.3.2. Mối quan hệ giữa GHPGVN và tổ chức Phật giáo Làng Mai

Trước 1995, GHPGVN không có mối quan hệ chính thức với tổ chức tăng thân Làng Mai của HT Thích Nhất Hạnh.

Quan hệ chính thức của GHPGVN với tổ chức Phật giáo Làng Mai bắt đầu từ năm 2005 thể hiện bằng lời mời về thăm đất nước của GHPGVN đối với HT Nhất Hạnh sau 30 năm xa cách. HT và các thành viên đã đi từ Bắc tới Nam, thăm các cơ sở thờ tự của PGVN, thăm các di tích lịch sử, gặp gỡ các chức sắc, giáo phẩm cao cấp của GHPGVN, được Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tiếp thân mật. Các hoạt động mang tính chất thuần túy tôn giáo của HT và Tăng đoàn Làng đã được đánh giá cao.

Hai lần về nước tiếp theo của HT Thích Nhất Hạnh vào năm 2007 và 2008 (tham dự Vesak). Trong hai lần về nước này, HT đã tổ chức nhiều khóa tu tập, gặp gỡ tín đồ Phật tử cả nước. Tuy nhiên, HT đã có những biểu hiện thiếu tôn trọng đối với GHPGVN, tỏ thái độ khuyếch trương, quảng bá hình ảnh Làng Mai và pháp môn tu tập. Thái độ của HT đã không nhận được sự ủng hộ của các cấp Giáo hội tại địa phương. Mâu thuẫn giữa Tăng thân Làng Mai và GHPGVN hình thành.

Những lần về nước của HT Thích Nhất Hạnh cho thấy GHPGVN có tinh thần tôn trọng Tăng đoàn Làng Mai và tích cực giúp đỡ Tăng đoàn Làng Mai tổ chức các hoạt động tôn giáo tại Việt Nam. Ngược lại, Tăng đoàn Làng Mai đã ngày càng thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với GHPGVN.

4.3. Quan hệ giữa GHPGVN và Nhà nước

4.3.1. Quan hệ giữa GHPGVN với một số tổ chức Nhà nước

Mối quan hệ giữa GHPGVN và Nhà nước được thể hiện qua sự tham gia của GHPGVN và các thành viên thuộc GHPGVN vào các tổ chức, hội đoàn của Nhà nước, trước hết là tổ chức MTTQ. GHPGVN ngay từ khi thành lập đã là thành viên MTTQ VN với tư cách là một tổ chức xã hội. Các cá nhân của GHPGVN tham gia MTTQ VN với tư cách cá nhân tiêu biểu cho các tôn giáo.

Thông qua sự giới thiệu của MTTQ VN các chức sắc của GHPGVN đã ứng cử đại biểu quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp. Ngoài ra, GHPGVN còn tham gia hoạt động với tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội chữ thập đỏ Việt Nam.

Dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của MTTQ VN, BTS Phật giáo các cấp tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, nổi bật nhất là các hoạt động từ thiện. Điển hình là hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

4.3.2. Mọi quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN

4.3.2.1. Một số văn bản quản lý Nhà nước về vấn đề tôn giáo và Phật giáo

Quan hệ Nhà nước và GHPGVN được thể hiện trong các văn bản Nhà nước về vấn đề tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Nghị quyết số 24/NQ-TW đánh dấu một bước chuyển biến nhận thức quan trọng của Đảng và Nhà nước trong nhận thức vấn đề tôn giáo.

Để Nghị quyết 24 thực hiện được hiệu quả, Ban Bí thư TƯ Đảng đã ra chỉ thị số 06/CT—TW. Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 69/HĐBT và chỉ thị số 379/TTg.

Điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 ghi rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo và hoạt động tôn giáo.

Chỉ thị số 37/CT-TW “về công tác tôn giáo trong tình hình mới” kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Nghị quyết 25/NQ/TW tiếp tục hoàn thiện hơn công tác tôn giáo.

Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo số 21/2004/PL-UBTVQH11 quy định về các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo là một bước tiến lớn trong hành lang pháp lý tôn giáo. Tiếp sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo.

Đảng và Nhà nước cũng đã có những chính sách riêng cho PGVN. Chỉ thị số 21/CT-TW “về Đại đoàn kết Phật giáo” đã giúp cho GHPGVN và các hệ phái Phật giáo trong nước tăng cường đoàn kết, thống nhất Phật giáo phù hợp với giáo lý đạo Phật và chính sách Đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo của Nhà nước. Chỉ thị 21 đã đem lại niềm phấn khởi, yên tâm và tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng trong đa số Tăng Ni.

4.3.2.2. Quan hệ Nhà nước và GHPGVN đối với các hoạt động Phật giáo

Quan hệ giữa GHPGVN và Nhà nước được thể hiện trên nhiều phương diện. Các cấp Giáo hội thường xuyên có sự liên hệ chặt chẽ với chính quyền để phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cho quần chúng, phật tử. Hoạt động Phật pháp nhận được sự ủng hộ tích cực của chính quyền cơ sở.

Qua 28 năm hoạt động, GHPGVN đã gắn bó với chính quyền và luôn phát huy được tinh thần đoàn kết, gắn bó Phật giáo với dân tộc, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước cùng với GHPGVN giải quyết các vụ việc Phật giáo. Đảng và Nhà nước đã có chủ trương rõ ràng trong quan điểm đối với GHPGVN và nhóm mạo xưng GHPGVNTN. Thông báo 21 của Ban bí thư khẳng định: “Không cho phục hoạt GHPGVNTN và giúp GHPGVN phát triển vững mạnh về mọi mặt”. Thông báo số 163/TB-VPCP đã nêu quan điểm: không thừa nhận các “Ban đại diện GHPGVNTN”, không cho phép phục hồi tổ chức GHPGVNTN và các tổ chức do các nhân vật chống đối lập ra. Khẳng định, GHPGVN là tổ chức thống nhất, hợp pháp duy nhất đại diện cho Tăng Ni, phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

Với vấn đề GDPT, ngay từ khi GDPT có dấu hiệu khôi phục hoạt động, Đảng và Nhà nước đã thông qua các cơ quan quản lý tôn giáo cùng GHPGVN giải quyết vấn đề này. Thông báo số 96/TB-BBT cho phép GDPT sinh hoạt trong sự quản lý của GHPGVN. Hướng dẫn số 36/HD-BDV và Thông báo số 25/TB-BDV cũng đề cập tới vấn đề này. Thông tư số 01/TT-BTG là văn bản hướng dẫn GHPGVN về việc quản lý tổ chức GDPT Việt Nam. Tuy nhiên, chính quyền địa phương một số nơi chưa thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng và hướng dẫn của các cơ quan chức năng tạo nên mặc cảm giữa một số huynh trưởng tâm huyết với chính quyền.

Đảng và Nhà nước cũng đã có những chủ trương chính sách hợp lý nhằm phát triển đạo Phật Việt Nam tại hải ngoại. Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi để GHPGVN cử các vị sư sang trụ trì hoặc hướng dẫn kiều bào, phật tử người Việt Nam ở nước ngoài tu học, sinh hoạt và hành đạo theo đúng chính pháp (tại Pháp, Ucraina, Ba Lan, Séc, úc...). Đồng thời Nhà nước cũng tạo điều kiện để GHPGVN mở rộng quan hệ Phật giáo các nước trên thế giới.

Chính phủ Việt Nam đã cho phép và cùng với GHPGVN tổ chức nhiều Hội nghị Phật giáo mang tầm quốc tế. Có thể nói, Nhà nước đã đặc biệt quan tâm tạo điều kiện cho GHPGVN mở rộng các mối quan hệ giao lưu quốc tế. Đây là sự thể hiện chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước ta.

4.4. Tiểu kết chương IV

Quan hệ giao lưu quốc tế của GHPGVN thể hiện 4 nội dung chính: đấu tranh vì hòa bình; văn hóa, giáo dục, bảo vệ môi trường và từ thiện xã hội; mở rộng quan hệ hợp tác, học hỏi; và tăng cường phát triển quan hệ với phật tử tại hải ngoại. Trong các nhiệm kỳ qua, Giáo hội đã làm tốt công tác quốc tế đặc biệt là hoạt động đấu tranh vì hòa bình và hoạt động phòng chống HIV/AIDS. Những hoạt động này đã giúp cho GHPGVN ngày càng củng cố địa vị, vai trò của mình với các tổ chức Phật giáo thế giới.

GHPGVN đã gửi thư mời và đón tiếp trọng thể tổ chức Phật giáo Làng Mai. Đây là sự kiện thể hiện tinh thần tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Những hành vi và hoạt động thiếu tôn trọng GHPGVN trong những lần về thăm sau vào năm 2007 và 2008 của HT Thích Nhất Hạnh đã để lại những dư luận thiếu thiện cảm về tổ chức này.

Đối với nhóm mạo xưng danh nghĩa GHPGVNTN để phá hoại tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, GHPGVN đã có thái độ kiên quyết phản đối hành vi sai trái, vi phạm pháp luật Nhà nước Việt Nam.

GHPGVN đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trong mọi hoạt động Phật pháp. Sự ủng hộ và phối hợp của các cơ quan chức năng Nhà nước giúp Giáo hội ngày càng vững mạnh. Ngay từ khi thành lập, GHPGVN đã có mối quan hệ mật thiết với các tổ chức chính trị, xã hội của nhà nước. Sự góp mặt của các chức sắc Phật giáo trong các tổ chức này là sự thể hiện tinh thần tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Tham dự vào các công tác này, Phật giáo Việt Nam tiến bước trên con đường nhập thế, đưa tiếng nói Phật giáo vào giải quyết những vấn đề xã hội.

Kết luận

1. Thống nhất các tổ chức PGVN năm 1981 không phải là lần thống nhất Phật giáo đầu tiên trong lịch sử PGVN, tuy nhiên đây là lần thống nhất trọn vẹn đầu tiên trên phạm vi toàn quốc.

Sự ra đời của tổ chức GHPGVN là một tất yếu khách quan. Sự kiện 9 hệ phái Phật giáo trên toàn quốc đã đáp ứng nguyện vọng thống nhất Phật giáo của chư Tăng Ni và Phật tử toàn quốc. Từ đây không phân biệt pháp phái, mọi tín đồ PGVN có tên gọi chung là Phật tử Việt Nam. GHPGVN ngày nay là một tổ chức thống nhất sức mạnh của Phật giáo toàn quốc với nhiều dòng phái khác nhau.

2. Hệ thống cơ cấu tổ chức của GHPGVN là một hệ thống hoàn chỉnh từ TƯ tới địa phương gồm: Cấp TƯ được điều hành bởi : HĐCM và HĐTS. Cấp địa phương có BTS tỉnh, thành hội, Ban đại diện quận, huyện, thị xã và đại diện phường, xã.

Kể từ khi thành lập, cơ cấu tổ chức GHPGVN ngày càng được củng cố và hoàn thiện thể hiện qua sự gia tăng các Ban, Ngành, Viện trực thuộc HĐTS cũng như sự gia tăng số lượng thành viên HĐTS, Ban thường trực HĐTS, BTS Tỉnh, Thành hội Phật giáo... Các Ban, ngành và các cấp khác nhau của Giáo hội đã có sự phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động. Nhờ sự hoàn thiện từng bước về tổ chức hành chính, các hoạt động của Giáo hội ngày càng bám sát thực tiễn và thúc đẩy sự phát triển của PGVN.

3. Với sự điều hành của HĐTS, các Ban, Ngành, Viện trực thuộc và hệ thống BTS các cấp, các hoạt động Phật pháp đều được thực hiện đúng theo phương châm Giáo hội đã đề ra. Ban Tăng sự đã nỗ lực không ngừng để hoàn thiện công việc thống kê số lượng Tăng Ni, tự viện và từng bước thống kê số tín đồ quy y trên toàn quốc. Nhìn chung, công tác quản lý Tăng Ni xuất gia, phân bổ trụ trì, tổ chức các khóa an cư kiết hạ... đã được thực hiện tốt nhưng vẫn còn những khiếm khuyết. Hiện nhiều chùa tại vùng sâu, vùng xa chưa có trụ trì. Đào tạo trụ trì đã được quan tâm nhưng chưa đủ căn cơ các chương trình đào tạo dài hạn.

* Hoạt động hoằng dương đạo pháp của Ban Hoằng pháp đã hoàn thành công tác thuyết giảng giáo lý cho Tăng Ni, Phật tử. Giáo hội đã xây dựng được đội ngũ giảng sư có trình độ. Phổ biến Phật pháp trên các phương tiện truyền thông hiện đại cũng đã được chú trọng. Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế: Trước tiên là vấn đề phân bố giảng sư đến thuyết giảng tại vùng sâu, vùng xa. Thứ hai, việc dịch và xuất bản ấn phẩm giới thiệu PGVN ra tiếng Anh nhằm truyền bá PGVN ra nước ngoài còn hạn chế. Thứ ba, hệ thống website của PGVN cần mở rộng và nên sử dụng nhiều ngôn ngữ.

* Hoạt động nghi lễ dành cho tín đồ ngày càng phát triển. Phổ biến là các khóa lễ cầu an, cúng sao giải hạn, cầu siêu, bán khoán, chạy đàn... Những khóa lễ này đã phần nào đáp ứng được nhu cầu tâm linh của một bộ phận quần chúng nhân dân.

* Hoạt động giáo dục là sự nối tiếp truyền thống giáo dục Phật giáo. Phương châm giáo dục Phật giáo của GHPGVN là Đạo pháp - Dân tộc - CNXH. Hiện trên toàn quốc có 4 Học viện Phật giáo trong đó có 1 Học viện Phật giáo Nam tông và 30 trường Trung cấp Phật học. Giáo dục Phật giáo cũng còn tồn tại những hạn chế như đội ngũ giảng sư chưa chuyên nghiệp, giáo trình chưa thống nhất trên toàn quốc. Giáo dục thanh thiếu niên Phật tử được thể hiện qua giáo dục GĐPT nhằm xây dựng cho các thanh thiếu niên Phật tử một lối sống đạo đức, trí tuệ, hướng đến sự phát triển toàn diện.

* Hoạt động từ thiện của GHPGVN đã góp phần tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội như tuyên truyền phòng chống HIV, nuôi và chăm sóc người nhiễm HIV, nuôi người nhiễm chất độc màu da cam, nuôi trẻ mồ côi... và nhiều hoạt động khác như cứu trợ đồng bào bị thiên tai bão lụt, khám chữa bệnh miễn phí... Các hoạt động này của PGVN đã có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, mọi khía cạnh của đời sống xã hội.

4. GHPGVN có quan hệ với các tổ chức Phật giáo thế giới và tổ chức PGVN tại hải ngoại trên tinh thần bình đẳng, hòa hợp cùng xây dựng và phát triển đạo pháp.

* Đại lễ Vesak 2008 tổ chức tại Việt Nam là cơ hội lớn để hội tụ các đoàn Phật giáo trên thế giới đến Việt Nam. Nhờ đó, Phật tử Việt Nam tăng thêm hiểu biết về Phật giáo năm châu đồng thời cũng góp phần làm tăng thêm hiểu biết về Việt Nam và PGVN cho các Tăng Ni Phật tử các nước. GHPGVN chú trọng phát triển hệ thống PGVN tại hải ngoại và đã có những nỗ lực không ngừng đáp ứng nhu cầu tâm linh của kiều bào Việt Nam tại các nước.

* Quan hệ hòa thuận, cởi mở giữa GHPGVN và tổ chức Tăng thân Làng Mai được đánh dấu bằng chuyến trở về Việt Nam năm 2005. Lần về thăm đầu tiên, quan hệ giữa GHPGVN và Tăng đoàn Làng Mai

là mối quan hệ tốt đẹp trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Hai chuyến về nước năm 2007, và 2008, Tăng đoàn Làng Mai đã có nhiều biểu hiện thiếu tôn trọng GHPGVN.

* GHPGVN có thái độ kiên quyết phản đối mọi hành vi lợi dụng Phật giáo chống đối Đảng và Nhà nước như nhóm mạo xung GHPGVNTN, hay các nhóm GDPT hải ngoại, GDPT do huynh trưởng Nguyễn Châu cầm đầu. Hành vi của những nhóm này gây mất đoàn kết tôn giáo, dân tộc, vi phạm luật pháp Nhà nước Việt Nam.

5. Đảng và Nhà nước thông qua các cơ quan chức năng đã có quan hệ chặt chẽ cùng GHPGVN giải quyết các vấn đề Phật sự, tạo điều kiện thuận lợi cho GHPGVN thực hiện các hoạt động Phật pháp. Đảng và Nhà nước cùng các cơ quan chức năng cần quan tâm và hoàn thiện hơn nữa các thể chế, luật định để GHPGVN và các tổ chức tôn giáo khác luôn bình đẳng với nhau và bình đẳng trước pháp luật, tạo điều kiện cho các tổ chức này phát triển tự do theo đúng khuôn khổ pháp luật.